

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 213/2017/HSPT

Ngày: 03/8/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn Em – Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà
Trần Huỳnh Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét
xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 182/2017/HSPT ngày 28 tháng 6 năm 2017
đối với các bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Lê T1.

Do có kháng cáo của các bị cáo Dương Văn T, Nguyễn L đối với bản án
hình sự sơ thẩm số: 08/2017/HSST ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân
dân huyện L.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. DƯƠNG VĂN T

- Sinh năm 1991;
- HKTT: ấp Đ, xã Đông B, huyện B, tỉnh V (Nay là khóm Đ, phường Đông T,
thị xã B, tỉnh V);
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
- Nghề nghiệp: Làm thuê;
- Trình độ học vấn: Không biết chữ;
- Con ông Dương Minh C (Chết) và con bà Dương Thị N;

- Có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình;
- Tiền sự: Không;
- Tiền án: 03 tiền án gồm:
 - + Ngày 21/5/2009 bị TAND quận N, thành phố C xử phạt 06 (sáu) tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản;
 - + Ngày 11/11/2010 bị TAND quận C, thành phố C xử phạt 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản;
 - + Ngày 18/11/2010 bị TAND quận N, thành phố C xử phạt 04 (bốn) năm tù giam về tội cướp giật tài sản, chấp hành xong ngày 04/02/2016;
- Tạm giữ: Ngày 13/10/2016;
- Tạm giam: Ngày 21/10/2016;
- Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (có mặt tại phiên tòa).

2. NGUYỄN LÊ T1

- Sinh năm 1990;
- HKTT: Số 22/23/100C, Mạc Đ, phường A, quận N, thành phố C;
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
- Nghề nghiệp: Làm thuê;
- Trình độ học vấn: Không biết chữ;
- Con ông Nguyễn Văn H (Chết) và con bà Lê Thị T;
- Có 02 anh em, bị cáo là người thứ nhất trong gia đình;
- Vợ Lê Thị Thùy T, sinh năm 1991;
- Có 02 con: Con lớn sinh năm 2009 và con nhỏ sinh năm 2013;
- Tiền sự: Không;
- + Tiền án: Ngày 07/03/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh V xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 14/06/2014.
- Bắt tạm giam: Ngày 04/10/2016;
- Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Lê T1, Trần Quang V, Dương Văn T, bản thân đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản và cướp giật tài sản” chưa được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng 14 giờ ngày 05/4/2016, Dương Văn T điện thoại rủ Nguyễn Lê T1 đi trộm tài sản thì T1 đồng ý. T chuẩn bị xà beng, mỏ lách để vào ba lô cho T1 điều khiển xe mô tô hiệu Exciter màu xanh biển số 65B1-718.60 do vợ là Lê Thị Thùy T đứng tên, chở T đi tìm nơi trộm tài sản. Khi chạy ngang nhà chị Nguyễn Thị Thanh L, ngụ số A119, Khóm 4, Phường 5, thành phố V, tỉnh V thì dừng lại. T1 quan sát không có người ở nhà nên kêu T ra hông nhà đến cửa sổ để tìm cách đột nhập vào bên trong, T đẩy cửa sổ bằng kính ra rồi dùng cây mỏ lách của T1 mang theo bẻ 2 thanh sắt cửa sổ. T trèo vào bên trong đến phòng ngủ của chị L lục soát tủ quần áo phát hiện một gói vàng và 5.000.000đ, T bỏ vàng, tiền cùng laptop để trên bàn gần đó vào trong bọc chuẩn bị sẵn rồi đi ra ngoài bằng đường cũ. T1 chở T về nhà T1 rồi cùng nhau đến tiệm vàng không rõ địa chỉ ở thị xã B, tỉnh V bán được 36.000.000đ. T1 chia cho T 17.000.000đ, còn laptop và 5.000.000đ thì T1 quản lý sử dụng. Hiện không thu được các tài sản trên.

Kết quả định giá số 72 ngày 25/08/2016 của Hội đồng định giá tài sản thành phố V (Theo hóa đơn bị hại cung cấp) kết luận như sau:

- 02 chiếc bông tai bằng vàng trắng có gắn hột xoàn, trong lượng mỗi chiếc 4,1 ly. Giá trị định giá 23.160.000đ (Hai mươi ba triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng).

- 1 chiếc vòng đeo tay, loại vàng 18k có trọng lượng 4 chỉ 3 phân 5 ly. Giá trị định giá là: 10.323.660đ (Mười triệu ba trăm hai mươi ba ngàn sáu trăm sáu mươi đồng).

- 01 chiếc vòng đeo tay, loại vàng 18k có trọng lượng 7 chỉ 6 phân 1 ly. Giá trị định giá là: 17.936.770đ (Mười bảy triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn bảy trăm bảy mươi đồng).

- 01 chiếc nhẫn, loại vàng 18k có trọng lượng 1 chỉ 2 phân 6 ly. Giá trị định giá là: 2.969.820đ (Hai triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn tám trăm hai mươi đồng).

- 01 sợi dây chuyền, loại vàng 18k có trọng lượng 9 chỉ 6 phân 7 ly. Giá trị định giá là: 22.792.190đ (Hai mươi hai triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn một trăm chín mươi đồng).

- 02 chiếc bông tai, loại vàng 18k, tổng trọng lượng 5 phân. Giá trị định giá là: 1.178.500đ (Một triệu một trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm đồng).

- 01 chiếc nhẫn, loại vàng 18k có trọng lượng 1 chỉ. Giá trị định giá là: 2.357.000đ (Hai triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn đồng).

- 01 chiếc lắc, loại vàng 18k, có trọng lượng 5 phân. Giá trị định giá là: 1.178.500đ (Một triệu một trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm đồng).

- 01 laptop, model HP14-041TU. Nguyên giá 9.790.000đ. Giá trị định giá là: 3.916.000đ (Ba triệu chín trăm mười sáu ngàn đồng).

Tổng giá trị tài sản theo định giá là: 85.812.440đ (Tám mươi lăm triệu tám trăm mười hai ngàn bốn trăm bốn mươi đồng).

Lần 2: Khoảng 12 giờ ngày 19/4/2016, trong lúc uống cà phê, T1 rủ T đi trộm tài sản, thì T đồng ý. Sau khi chuẩn bị các dụng cụ gồm: Hai cây xà beng, một mỏ lách bỏ vào ba lô. T1 điều khiển xe mô tô hiệu Exciter màu xanh, biển số 65B1-718.60 chở T tính chạy đi tìm tài sản trộm. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến nhà chị Lê Thị Ngọc Á, ngụ ấp An T, xã Bình T, huyện L, Đ. T1 phát hiện chị Á đang khóa cửa nhà và cửa cổng đi rước con. T1 dừng xe lại quan sát thì thấy chị Á chạy xe về hướng thị trấn L1, T1 liền quay xe lại dừng ở bụi tre gần đó. T1 đi cặp bờ rào bên hông nhà thì phát hiện nhà có camera, nên kêu T đi ra phía sau có cửa sổ. T1 kêu T lên vai đứng rồi dùng mỏ lách lấy từ trong ba lô ra bẻ gãy song cửa sổ bằng nhôm chui vào phòng phát hiện một chiếc Ipad, màu xám, số seri DMPLW4BTF4YJ trên bàn nên lấy đem ra để cạnh cửa sổ. T phát hiện trong phòng ngủ có 01 két sắt nên điện thoại kêu T1 vào, T1 trèo lên cửa sổ vào nhà rồi dùng xà beng cạy phá cửa két sắt để lấy tài sản. Lúc này, chị Á cùng con về đến phát hiện nên truy hô T bỏ chạy ra sau nhà và bỏ 02 cây xà beng ở khu vực nhà bếp rồi cùng T1 mở cửa hông nhà, trèo qua hàng rào lưới B40 tẩu thoát. T1 khởi động xe chở T chạy về hướng chợ L ghé vào mua đôi dép cho T mang rồi chạy về thành phố C.

Kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 19/04/2016 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp thể hiện: Khung cửa sổ bên hông trái hướng từ ngoài nhìn vào cách mặt đất 2,2m, có chiều dài 1,18m, chiều cao 1,64m, khung cửa sổ có 5 thanh ngang và 7 thanh đứng dạng hình hộp làm bằng nhôm, cách mép tường phía dưới 31cm bị mất một thanh đứng, tạo lỗ trống hình chữ nhật cạnh dài 29cm, cạnh rộng 17,5cm, đường chéo dài 40cm.

Tại phòng ngủ phía trước có để một két sắt cao 1m, rộng 0,65m, sâu 05m dọc theo mép cửa bên phải từ trên xuống 30cm, có nhiều vết hằn xước kim loại chiều hướng từ trong ra ngoài. Vết nhỏ nhất 04cm, vết lớn nhất 2cm, tạo vết hở rộng nhất tại mép cửa là 1,5cm, nhìn thấy được các chốt khóa bên trong nhưng không thể mở ra được.

Cơ quan điều tra thu giữ: Hai cây xà beng dài 50cm, đường kính rộng 1,6cm, một mỏ lách dài 30cm, một thanh kim loại cửa sổ bị biến dạng dài 28,5cm, một dao bấm cán xếp màu đen dài 26cm, lưỡi dao dài 12cm, một máy cắt sắt màu đen hiệu Amax, một ba lô màu đen hiệu Samsung, một kiếng đen, hai đôi dép, một nón kết, một ví da màu nâu, một hộp đồng cầm đồ ngày 18/4/2016, một giấy CMND tên Nguyễn Lê T1, một giấy phép lái xe tên Nguyễn Lê T1, một giấy đăng ký xe photo biển số 65B1-718.60, một thẻ điều trị Methanol tên Nguyễn Lê T1 tiền Việt Nam 150.500đ.

Kết quả định giá số 26 ngày 22/04/2016 của Hội đồng định giá tài sản huyện L1, tỉnh Đ kết luận trong két sắt có tài sản gồm:

- 05 lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng, loại vàng 16k có tổng trọng lượng là 9,4 chỉ. Giá trị định giá là $9,4 \text{ chỉ} \times 2.200.000\text{đ}/\text{chỉ} = 20.680.000\text{đ}$ (Hai mươi triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng).

- 07 chiếc bông tay bằng kim loại màu vàng, loại vàng 16k có tổng trọng lượng là 1,7 chỉ. Giá trị định giá là $1,7 \text{ chỉ} \times 2.200.000\text{đ}/\text{chỉ} = 3.740.000\text{đ}$ (Ba triệu bảy trăm bốn mươi ngàn đồng).

- 01 miếng vàng bằng kim loại hình chữ nhật màu vàng, loại vàng SJC có tổng trọng lượng là 10 chỉ. Giá trị định giá là $10 \text{ chỉ} \times 3.430.000\text{đ}/\text{chỉ} = 34.300.000\text{đ}$ (Ba mươi bốn triệu ba trăm ngàn đồng).

- 06 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại vàng 23k có tổng trọng lượng là 07 chỉ. Giá trị định giá là $07 \text{ chỉ} \times 3.300.000\text{đ}/\text{chỉ} = 23.100.000\text{đ}$ (Hai mươi ba triệu một trăm đồng).

- 05 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại vàng 16k có tổng trọng lượng là 4,3 chỉ. Giá trị định giá là $4,3 \text{ chỉ} \times 2.200.000\text{đ}/\text{chỉ} = 9.460.000\text{đ}$ (Chín triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng).

- 03 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, loại vàng 16k có tổng trọng lượng là 8,8 chỉ. Giá trị định giá là $8,8 \text{ chỉ} \times 2.200.000\text{đ}/\text{chỉ} = 19.360.000\text{đ}$ (Mười chín triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

- 01 chiếc Ipad, màu xám, số seri DMPL W4BTF4YJ, đã qua sử dụng. Giá trị định giá là $340.000\text{đ} \times 56,96\% = 4.500.000\text{đ}$ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

- 128 (Một trăm hai mươi tám) tờ ngoại tệ có mệnh giá 100USD. Giá quy đổi 01USD ra đồng Việt Nam là 22.325đồng.

Giá trị định giá là $128 \text{ chỉ} \times 2.232.500\text{đ} = 285.760.000\text{đ}$ (Hai trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng).

- 01 tờ ngoại tệ có mệnh giá là 50USD. Giá quy đổi 01USD ra đồng Việt Nam là 22.325đồng. Giá trị định giá là $01 \times 1.116.250\text{đ} = 1.116.250\text{đ}$ (Một triệu một trăm mười sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng).

- 02 tờ ngoại tệ có mệnh giá là 01USD. Giá quy đổi 01USD ra đồng Việt Nam là 22.325đồng. Giá trị định giá là $02 \times 22.325\text{đ} = 44.650\text{đ}$ (Bốn mươi bốn ngàn sáu trăm năm mươi đồng).

Tổng cộng giá trị định giá tài sản là 402.060.900đ (Bốn trăm lẻ hai triệu không trăm sáu mươi ngàn chín trăm đồng).

Lần 3: Vào khoảng 09 giờ ngày 29/8/2016, trong lúc uống cà phê thì Trần Quang V (Tí N) rủ T1 và T đi trộm tài sản thì cả bọn đồng ý. T1 điều khiển xe mô tô hiệu Taurus không rõ biển số do bà Lê Thị T, mẹ T1 mua chở Nguyễn Lê Yến N, sinh 31/5/2001 là em của T1, V điều khiển xe mô tô hiệu Airblade không rõ biển số của V chở T. Khi đi V mang theo ba lô có dụng cụ xà beng, mỏ lếch để cạy khóa cửa. Khi đến nhà anh Đoàn Minh C ngụ khu vực Hòa T, phường Thới H, quận Ô M, TP C thì phát hiện nhà đóng cửa nên cả nhóm dừng lại. T1 và Yến N ở ngoài xe canh coi còn T cùng V dùng mỏ lếch cạy cửa sổ vào nhà. V vào thấy két sắt nên dùng xà beng cạy ra nhưng không phát hiện gì. Sau đó cả hai lấy 02 laptop hiệu HP trong phòng ngủ đem ra ngoài tẩu thoát. Khi về thành phố C, T đem đến cửa hàng không rõ địa chỉ bán được 3.000.000đ chia nhau, T được 700.000đ, V được 800.000đ, còn T1 và Yến N 1.500.000đ, hiện không thu hồi được tài sản trên.

Kết quả định giá số 18 ngày 30/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản quận Ô M, thành phố C kết luận:

Một máy tính xách tay hiệu HP và sạc là 2.700.000đ. Một máy tính xách tay hiệu HP và sạc là 1.100.000đ. Tổng trị giá tài sản là 3.800.000đ.

Hiện gia đình bị hại trình bày ngoài 02 máy tính xách còn bị mất 3,5 chỉ vàng 18kr và yêu cầu bồi thường 8.000.000đ, nhưng T1 và T không thừa nhận nên không có cơ sở buộc bồi thường số vàng trên.

Lần 4: Vào khoảng 09 giờ ngày 23/09/2016, Thái Đức D rủ T1 và T đi trộm tài sản thì cả bọn đồng ý. T1 điều khiển xe mô tô hiệu Taurus chở Nguyễn Lê Yến N, Thái Đức D điều khiển xe Wave RS không rõ biển số chở T, khi đi D

mang theo ba lô có dụng cụ xà beng, mở lách để cạy khóa cửa. Khi đến nhà anh Phạm Ngọc T, ngụ số 41K, ấp Tân Quới Đ, xã Trường A1, thành phố V, tỉnh V thì thấy nhà đóng cửa nên dừng xe lại. T1 và Yến N ngồi ngoài xe canh coi cho T cùng D dùng xà beng cạy cửa trước vào nhà. D lục lấy được một sợi dây chuyền, một mặt dây chuyền, một vòng đeo tay. Sau đó, T chở Yến N đến tiệm vàng anh Nguyễn Võ T (Kim L 2) ở Phường Cái V, thị xã B, tỉnh V bán mặt dây chuyền được 230.000đ, còn lại chủ tiệm cho rằng vàng giả nên không mua. T1 chia cho T1 và Yến N được 130.000đ, còn D và T được 100.000đ. Hiện không thu hồi được tài sản.

Kết quả định giá số 131 ngày 09/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản thành phố V, tỉnh V kết luận: Một mặt dây chuyền, loại vàng 18k, trọng lượng 02 phân. Đơn giá 2.725.000đ, giá định giá là 545.000đ.

Ông Đoàn Minh C yêu cầu bồi thường số vàng còn lại trị giá 11.000.000đ nhưng chưa có cơ sở chứng minh nên không buộc bồi thường.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Lê T1 và Dương Văn T1 trình bày trong năm 2016 còn cùng đồng bọn gồm Từ Văn H, Thái Đức D tham gia ba vụ trộm ở huyện Tri T, tỉnh An G, tỉnh Trà V, quận N, thành phố C bán lấy tài sản chia nhau tiêu xài. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã có công văn gửi Cơ quan cảnh sát điều tra các nơi trên yêu cầu chuyển vụ án về Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện L để nhập vụ án xử lý cho toàn diện. Hiện chỉ có Cơ quan điều tra Công an huyện Tri T, tỉnh An G trả lời là không có xảy ra, các cơ quan còn lại không trả lời nên tách ra sau này làm rõ xử lý tiếp.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 65B1-718.60 do Lê Thị Thùy Tr đứng tên, chiếc xe mô tô hiệu Taurus do bà Lê Thị Th (mẹ Thành) mua. Thành sử dụng vào việc phạm tội, bà Th và Tr không biết hiện đã bán, nên không thu hồi được.

Đối với Nguyễn Lê Yến N chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, còn Trần Quang V, Thái Đức D hiện bỏ trốn khi nào bắt được xử lý sau. Hiện bà Lê Thị Th nộp 4.000.000đ để khắc phục hậu quả cho Nguyễn Lê T1.

Trong quá trình điều tra, các bị can Nguyễn Lê T1 và Dương Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung trên, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, khám nghiệm hiện trường vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2017/HSST ngày 18/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn T và Nguyễn Lê T1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng khoản 3 Điều 138, khoản 1 Điều 52, điểm b, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn T 11 (Mười một) năm tù, thời hạn hình phạt tù tính từ ngày 13/10/2016.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Lê T1 10 (Mười) năm tù, thời hạn hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2016.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/5/2017, các bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Lê T1 có đơn kháng cáo với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Lê T1 xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Lê T1 là người đã trưởng thành và có rất nhiều tiền án về tội “trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản”. Nhưng sau khi ra trại cải tạo các bị cáo không tìm việc làm để có thu nhập nuôi bản thân và từ bỏ con đường phạm tội trở thành công dân tốt. Sau khi ra trại cải tạo các bị cáo kết bạn với nhau và cùng nhau bàn bạc tiếp tục rủ nhau đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Trong vụ án này lúc đầu bị cáo T rủ bị cáo T1 đi tìm tài sản trộm, sau đó bị cáo T1 rủ bị cáo T cùng đi trộm. Các bị cáo cùng nhau chuẩn bị dụng cụ thực hiện việc phạm tội, như bị cáo T chuẩn bị xà beng, mỏ lết, còn bị cáo T1 lấy xe mô tô hiệu Exciter màu xanh mà vợ bị cáo đứng tên làm phương tiện chở bị cáo T đi trộm tài sản và chở tài sản trộm.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, thực hiện hành vi rất táo bạo, có sự bàn bạc trước khi phạm tội. Trong khi các bị cáo nhận biết được tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, nhưng vẫn tìm cách chiếm đoạt. Các bị cáo phá cửa sổ vào nhà người bị hại lấy tài sản

như: Tiền, vàng, laptop... trị giá tài sản 4 lần trộm là 497.218.340đ và tình tiết tăng nặng của các bị cáo là phạm tội nhiều lần. Bị cáo T phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm, còn bị cáo T1 phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây mất trật tự trị an ở địa phương ở các tỉnh Đ, V, C. Do đó, xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo cần có thời gian cải tạo giáo dục các bị cáo nghiêm khắc, nhằm để các bị cáo trở thành công dân tốt, giúp ích cho gia đình và có tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

Án sơ thẩm xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ và đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, mức hình phạt án sơ thẩm xử các bị cáo là không nặng. Sau khi án sơ thẩm xử các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng các bị cáo không xuất trình tình tiết mới ngoài các tình tiết mà án sơ thẩm đã xem xét, nên không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các phần còn lại của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Lê T1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Tuyên bố: Các bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Lê T1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 138, khoản 1 Điều 52, điểm b, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn T 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2016.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Lê T1 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/10/2016.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Các bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Lê T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV – THA TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu HS (T Em).

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tô Phú Đông – Nguyễn Thị Mai

Nguyễn Thành Thơ